

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công nhận kết quả thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Căn cứ Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 8/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 574/QĐ-SGDĐT ngày 10/9/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, khóa ngày 13/9/2020 tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Đắk Lắk;

Căn cứ Tờ trình số 137/TTr-TTNNTH ngày 15/9/2020 của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Đắk Lắk về việc đề nghị công nhận kết quả thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, khóa ngày 13/9/2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục – Công nghệ thông tin Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk.

**QUYẾT ĐỊNH:**

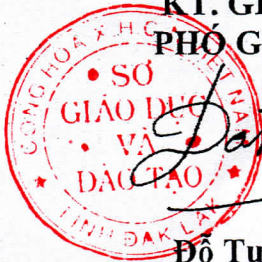
**Điều 1.** Công nhận kết quả của 83 thí sinh đạt yêu cầu trong kỳ thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, khóa ngày 13/9/2020 tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Đắk Lắk (danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Các thí sinh có kết quả đạt yêu cầu được Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Đắk Lắk cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và được hưởng các chế độ, quyền lợi theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn Phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục – Công nghệ thông tin, trưởng các phòng chức năng của Sở, Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Đắk Lắk và các thí sinh có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KTKDCLGDCNTT.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
  
*Datronghiệp*  
Đỗ Tường Hiệp

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI, CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN  
TẠI TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TIN HỌC ĐẮK LẮK**

Khóa ngày 13/9/2020

(Kính theo Quyết định số: 713/ QĐ-SGDĐT ngày 05/10/2020 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	SBD	PHÒNG	HỌ VÀ TÊN		NGÀY, THÁNG, NĂM SINH			NƠI SINH	ĐIỂM THI CÁC MÔN		TỔNG CỘNG	KẾT QUẢ	SỐ CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
									LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH				
01	130920001	P1	Nguyễn Thị Thu	Ba	25	05	1982	Quảng Nam	22	52	74	ĐẠT		
02	130920002	P1	Trương Văn	Chát	05	03	1980	Thanh Hóa	22	47	69	ĐẠT		
03	130920003	P1	Vi Thị	Chí	24	02	1976	Bắc Kạn	24	46	70	ĐẠT		
04	130920004	P1	Vũ Văn	Công	13	03	1981	Nam Định	22	51	73	ĐẠT		
05	130920005	P1	Trần Thị Anh	Đào	18	01	1975	Yên Bái	24	52	76	ĐẠT		
06	130920006	P1	Phan Đình	Đức	01	03	1987	Hà Tĩnh	25	49	74	ĐẠT		
07	130920007	P1	Trần Thị Mỹ	Dung	25	11	1996	Đắk Lắk	27	55	82	ĐẠT		
08	130920008	P1	Nguyễn Việt	Duy	20	01	1992	Nghệ An	28	65	93	ĐẠT		
09	130920009	P1	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	22	02	1997	Thái Bình	25	48	73	ĐẠT		
10	130920011	P1	Bùi Vũ Ngân	Hà	27	08	2001	Hung Yên	20	51	71	ĐẠT		
11	130920012	P1	Hồ Sỹ	Hải	22	04	1996	Đắk Lắk	30	54	84	ĐẠT		
12	130920013	P1	Nguyễn Thị	Hiền	10	10	1974	Nghệ An	27	61	88	ĐẠT		
13	130920014	P1	Lê Phước	Hiền	08	01	1987	Thừa Thiên Huế	27	52	79	ĐẠT		
14	130920015	P1	Nguyễn Thị	Hiền	20	01	1996	Đắk Lắk	29	50	79	ĐẠT		
15	130920016	P1	Lê Mai	Hiệu	05	02	1982	Hà Tĩnh	27	41	68	ĐẠT		
16	130920017	P1	Lê Thị	Hoa	10	08	1978	Hà Tĩnh	25	43	68	ĐẠT		
17	130920018	P1	Trương Thị Thúy	Hoàn	06	12	1996	Đắk Lắk	27	59	86	ĐẠT		
18	130920019	P1	Niê Y	Hoàng	28	02	1981	Đắk Lắk	26	47	73	ĐẠT		
19	130920020	P1	Hoàng Vũ Thanh	Hung	08	11	1993	Đắk Lắk	22	56	78	ĐẠT		

TT	SBD	PHÒNG	HỌ VÀ TÊN		NGÀY, THÁNG, NĂM SINH			NƠI SINH	ĐIỂM THI CÁC MÔN		TỔNG CỘNG	KẾT QUẢ	SỐ CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
									LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH				
20	130920021	P1	Đàm Thị	Hương	18	02	1975	Bắc Kạn	28	41	69	ĐẠT		
21	130920022	P1	Hứa Thị	Huyền	20	10	1979	Cao Bằng	21	45	66	ĐẠT		
22	130920023	P1	Phạm Thị Thu	Huyền	18	01	1992	Đắk Lắk	28	57	85	ĐẠT		
23	130920024	P1	Ngô Thị Thanh	Huỳnh	02	01	1991	Đắk Lắk	25	50	75	ĐẠT		
24	130920025	P2	Hòa Quốc	Khánh	16	12	1985	Đắk Lắk	23	55	78	ĐẠT		
25	130920026	P2	Y	Khoan Niê	12	06	1980	Đắk Lắk	21	49	70	ĐẠT		
26	130920027	P2	Trần Trung	Kiên	16	07	1993	Đắk Lắk	25	51	76	ĐẠT		
27	130920028	P2	Nguyễn Thị	Lan	04	06	1990	Hà Nam	28	50	78	ĐẠT		
28	130920029	P2	Lương Thị	Liệu	05	10	1969	Cao Bằng	23	54	77	ĐẠT		
29	130920030	P2	Nguyễn Thị Kiều	Linh	23	03	1995	Đắk Lắk	23	54	77	ĐẠT		
30	130920031	P2	Hoàng Văn	Loan	21	02	1977	Hà Tĩnh	29	41	70	ĐẠT		
31	130920033	P2	Nguyễn Thị	Loan	28	08	1989	Hà Tĩnh	29	40	69	ĐẠT		
32	130920034	P2	Nguyễn Thị Yên	Loan	02	06	1982	Đắk Lắk	25	35	60	ĐẠT		
33	130920035	P2	Nguyễn Hải	Long	20	03	1981	Thừa Thiên Huế	25	51	76	ĐẠT		
34	130920036	P2	Lê Thị	Mai	03	04	1974	Hà Nội	21	36	57	ĐẠT		
35	130920038	P2	Phạm Thị	Na	22	10	1984	Thanh Hóa	23	54	77	ĐẠT		
36	130920039	P2	H	Nan Byã	14	06	1985	Đắk Lắk	21	46	67	ĐẠT		
37	130920040	P2	Võ Thị Minh	Nga	16	02	1969	Quảng Ngãi	27	53	80	ĐẠT		
38	130920041	P2	Nguyễn Thị	Nga	26	03	1985	Hà Tĩnh	18	50	68	ĐẠT		
39	130920042	P2	H	Ngoan Niê Kđ	03	08	1972	Đắk Lắk	21	42	63	ĐẠT		
40	130920043	P2	Bùi Thị Ánh	Ngọc	15	09	1988	Đắk Lắk	20	42	62	ĐẠT		
41	130920045	P2	Nguyễn Thanh	Nguyên	21	07	1998	Đắk Lắk	22	46	68	ĐẠT		
42	130920047	P2	Thái Hồng	Nhung	19	05	1997	Đắk Lắk	23	52	75	ĐẠT		
43	130920048	P2	Y	Siôn Niê	02	11	1979	Đắk Lắk	27	51	78	ĐẠT		
44	130920049	P3	Hoàng Thị	Phượng	29	09	1995	Đắk Lắk	30	54	84	ĐẠT		

(HỌ TÊN VÀ SỐ QUÂN)

TT	SBD	PHÒNG	HỌ VÀ TÊN		NGÀY, THÁNG, NĂM SINH			NƠI SINH	ĐIỂM THI CÁC MÔN		TỔNG CỘNG	KẾT QUẢ	SỐ CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
									LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH				
45	130920050	P3	Bùi Thị Kim	Phương	20	08	1969	Hà Tĩnh	27	38	65	ĐẠT		
46	130920051	P3	Nguyễn Đình	Quế	03	10	1985	Đắk Lắk	27	61	88	ĐẠT		
47	130920052	P3	Nguyễn Thị	Sum	22	03	1977	Hải Dương	27	41	68	ĐẠT		
48	130920054	P3	Lê Văn	Tâm	18	03	1983	Thanh Hóa	26	46	72	ĐẠT		
49	130920055	P3	Y	Tân Niê	12	12	1982	Đắk Lắk	23	41	64	ĐẠT		
50	130920056	P3	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	17	10	1982	Đắk Lắk	27	45	72	ĐẠT		
51	130920057	P3	Lê Thị	Thắm	09	06	1971	Bắc Kạn	19	37	56	ĐẠT		
52	130920058	P3	Hoàng Thị	Thân	17	10	1979	Cao Bằng	27	45	72	ĐẠT		
53	130920059	P3	Nguyễn Văn	Thắng	01	04	1989	Bắc Giang	28	55	83	ĐẠT		
54	130920060	P3	Trần Thị Phương	Thào	02	03	1974	Thái Bình	27	51	78	ĐẠT		
55	130920061	P3	Hồ Thị Phương	Thào	16	04	1974	Hà Tĩnh	23	47	70	ĐẠT		
56	130920062	P3	Phan Thị	Thào	09	01	1990	Đắk Lắk	25	43	68	ĐẠT		
57	130920063	P3	Vũ Nguyên Uyên	Thào	24	08	2001	Nam Định	22	48	70	ĐẠT		
58	130920064	P3	Trần Văn	Thế	05	03	1981	Quảng Trị	21	50	71	ĐẠT		
59	130920065	P3	Trần Minh	Thông	15	07	1962	Ninh Bình	28	42	70	ĐẠT		
60	130920066	P3	Đinh Thị	Thu	08	04	1973	Quảng Bình	21	35	56	ĐẠT		
61	130920068	P3	Hà Phương	Thúy	05	06	1971	Đắk Lắk	24	36	60	ĐẠT		
62	130920069	P3	Trần Thị	Thúy	10	02	1970	Quảng Ngãi	28	39	67	ĐẠT		
63	130920070	P3	Lê Thị	Thùy	19	10	1973	Nghệ An	28	41	69	ĐẠT		
64	130920071	P3	Hồ Thị Thu	Thúy	02	03	1995	Đắk Lắk	20	46	66	ĐẠT		
65	130920073	P4	Nguyễn Thị	Thúy	27	12	1991	Quảng Trị	18	50	68	ĐẠT		
66	130920074	P4	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	24	02	1979	Đắk Lắk	28	49	77	ĐẠT		
67	130920075	P4	Lê Bảo	Trần	22	03	1976	Phú Yên	24	37	61	ĐẠT		
68	130920076	P4	Lê Thị Thùy	Trang	26	02	1996	Đắk Lắk	28	54	82	ĐẠT		
69	130920077	P4	Hà Xuân	Trình	01	08	1991	Thanh Hóa	25	46	71	ĐẠT		



TT	SBD	PHÒNG	HỌ VÀ TÊN	NGÀY, THÁNG, NĂM SINH			NƠI SINH	ĐIỂM THI CÁC MÔN		TỔNG CỘNG	KẾT QUẢ	SỐ CHỨNG CHỈ	GHI CHÚ
				LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH								
70	130920078	P4	Bùi Văn Trọng	28	01	1985	Đắk Lắk	24	36	60	ĐẠT		
71	130920081	P4	Nguyễn Thanh Tùng	29	12	1994	Đắk Lắk	29	51	80	ĐẠT		
72	130920082	P4	Nguyễn Huy Tùng	06	09	1987	Đắk Lắk	27	44	71	ĐẠT		
73	130920083	P4	Nguyễn Quang Tuyên	01	08	1981	Đắk Lắk	28	58	86	ĐẠT		
74	130920084	P4	Nguyễn Thị Bích Vi	30	08	1976	Đắk Lắk	29	55	84	ĐẠT		
75	130920085	P4	Phan Thị Kiều Vi	09	04	2001	Quảng Nam	27	40	67	ĐẠT		
76	130920086	P4	Đỗ Thị Viên	04	06	1971	Cao Bằng	20	55	75	ĐẠT		
77	130920087	P4	Nguyễn Thị Nhân Viện	18	04	1972	Nghệ An	27	53	80	ĐẠT		
78	130920090	P4	Trần Quốc Vương	05	01	1977	Quảng Nam	26	50	76	ĐẠT		
79	130920091	P4	Đỗ Thị Tường Vy	28	09	1996	Đắk Lắk	22	58	80	ĐẠT		
80	130920092	P4	Cao Thanh Xuân	07	09	1995	Đắk Lắk	27	58	85	ĐẠT		
81	130920093	P4	Ngô Thị Thanh Xuân	23	01	1982	Đắk Lắk	26	56	82	ĐẠT		
82	130920094	P4	Chu Thị Hải Yến	27	07	1995	Đắk Lắk	27	52	79	ĐẠT		
83	130920095	P4	Nay YunLi	13	03	1997	Gia Lai	28	41	69	ĐẠT		

Danh sách này có 83 thí sinh.

